TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 939/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phan Thị Tuyết Hằng

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2025/TLST–DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2025/QĐXXST–DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 383/2025/QĐST–DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức danh: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Minh Q – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý Nợ

(Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024)

Ủy quyền lại cho: Ông Dương Văn T, sinh năm 1987

(Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2024)

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, Phường V, Quận B, Thành phố H.

Nay địa chỉ mới là: 266-268 N, Phường X, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ M, Ấp B, xã A, huyện B, Thành phố H.

Nay địa chỉ mới là: Nhà không số kế nhà số A, Ấp B, xã V, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/3/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Dương Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/10/2022 ông Bùi Văn D có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S). Căn cứ vào thu nhập của ông D, Ngân hàng S đã đồng ý cấp cho ông D 01 (một) Thẻ tín dụng Visa, số thẻ 472074-3078, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Kể từ ngày được cấp và kích hoạt thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 42.100.000 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm nghìn đồng) và chỉ thanh toán lại cho Ngân hàng S số tiền 20.198.504 đồng (Hai mươi triệu một trăm chín mươi tám nghìn năm trăm lẻ bốn đồng) theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Sau đó, ông D đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù đã được Ngân hàng S nhiều lần nhắc nhở.

Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên ngày 11/10/2023 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D. Đồng thời, Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 11/10/2023 của ông D là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng) thành nợ gốc và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc là 3,33%/tháng theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Nay Ngân hàng S yêu cầu ông D phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 tính đến ngày 19/9/2024 là 42.245.345 đồng (Bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng) và tiền lãi quá hạn là 11.682.735 đồng (Mười một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng). Ngoài ra, ông D còn phải thanh toán cho Ngân hàng S tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 20/9/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Bùi Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông D vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông D cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ngân hàng S giữ nguyên yêu cầu ông Bùi Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 tính đến ngày 30/9/2025 là 54.977.833 đồng (Năm mươi bốn triệu chín

trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng), tiền lãi quá hạn là 24.415.223 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm hai mươi ba đồng); và yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn ông Bùi Văn D vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tò và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn D trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn hiện cư trú tại xã A, huyện B, Thành phố H nay là xã V, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 28/10/2022, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được ông Bùi Văn

D và đại diện Ngân hàng S ký tên xác nhận có cơ sở xác định ông D đã được Ngân hàng S đồng ý cấp cho 01 (một) Thẻ tín dụng Visa có số thẻ là 472074-3078 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để tiêu dùng cá nhân.

Việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 giữa Ngân hàng S và ông D là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2]. Theo nội dung được ghi nhận trong Bảng tóm tắt sao kê ngày 30/9/2025 xác định:

- Từ ngày 10/11/2022 đến ngày 10/02/2023 ông D đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 42.100.000 đồng (Bốn mươi hai triệu một trăm nghìn đồng).

- Từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/7/2023 ông D đã nhiều lần thanh toán cho Ngân hàng S với tổng số tiền là 20.198.504 đồng (Hai mươi triệu một trăm chín mươi tám nghìn năm trăm lẻ bốn đồng), nhưng vi phạm thời hạn thanh toán nên phát sinh các khoản lãi và phí được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Tính đến ngày 30/9/2025 ông D còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 54.977.833 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng), tiền lãi quá hạn là 24.415.223 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

[3.3]. Theo quy định tại Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì số tiền ông D đã trả cho Ngân hàng S sẽ được áp dụng thanh toán theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Ngày 11/10/2023 Ngân hàng S chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông D và tính đến ngày 11/10/2023 số tiền ông D còn nợ Ngân hàng S là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng) đã được Ngân hàng S chuyển sang nợ gốc quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

[3.4]. Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam và Điều 22, Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với thẻ tín dụng Visa là 2,217%/tháng và mức lãi suất quá hạn là 3,33%/tháng.

[3.5]. Ngân hàng S yêu cầu ông D phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 tính đến ngày 30/9/2025 là 54.977.833 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn

tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng), tiền lãi quá hạn là 24.415.223 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm hai mươi ba đồng); và yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3.6]. Đối với ông Bùi Văn D, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông D vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S xem như ông D từ bỏ quyền lợi và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

[3.7]. Xét thấy, ông D không thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ phát sinh từ các giao dịch sử dụng thẻ tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng S yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 tính đến ngày 30/9/2025 là 54.977.833 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng), tiền lãi quá hạn là 24.415.223 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm hai mươi ba đồng); và yêu cầu ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Bùi Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Bùi Văn D về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Bùi Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/10/2022 là 54.977.833 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 30.562.610 đồng (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười đồng), tiền lãi quá hạn là 24.415.223 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.748.892 đồng (Hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.056.134 đồng (Một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn một trăm ba mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052504 ngày 15/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương